TÒA ÁN NHÂ DÂ **HUYỆN PL** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-05-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂ DÂ HUYỆN PL, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhÂ dÂ: Ông Nguyễn NhÂ Phái và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thái - Thư ký Tòa án nhÂ dÂ huyện PL, thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhÂ dÂ huyện PL, thành phố Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần QuÂ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhÂ dÂ huyện PL, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Xã LT, huyện PL thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thiện N, sinh năm 1967; Nơi thường trú: Xã LT, huyện PL thành phố Huế. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Lê Thiện Â và cháu Nguyễn Lê PL theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Lê Thị T: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhÂ: Chị và anh Nguyễn Thiện N tự nguyện đi đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 8 năm 2008 tại: Ủy ban nhÂ dÂ xã L Trì, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế. Cuộc sống của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhÂ là do anh N không tin tưởng, nghi ngờ và hằng ngày hăm dọa giết chị. Mặc dù chị đã nhiều lần nhẫn nhịn, khuyên nhủ nhưng anh N ngày càng hành hạ, chửi bới vợ

con. Từ đó tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thÂ cho đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng đã sống ly thÂ, không còn tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhÂ không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thiện N.

Về con chung: Chị với anh Nguyễn Thiện N có 02 con chung: Nguyễn Lê Thiện Â, sinh ngày 17/7/2009; Nguyễn Lê PL, sinh ngày 08/02/2011. Chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc những người con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; bản sao căn cước công dÂ vợ chồng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thiện N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhÂ: Anh đồng ý về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Anh cho rằng nguyên nhÂ dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng theo như nội dung chị T trình bày hoàn toàn không đúng sự thật. Anh đồng ý giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, lý do cãi vã là "do anh ghen chị T với người khác, anh muốn hỏi chị T có hay không có, nếu có thì bỏ, còn nếu không có thì cho anh xin lỗi". Tôi đánh vợ, chửi vợ là có nguyên nhÂ, chứ không tự nhiên mà đánh. Bản thÂ anh là thợ nề, làm ăn siêng N, không rượu chè, cờ bạc, không theo người phụ nữ khác, làm bao nhiêu đều đưa tiền về cho vợ con, anh lo cho gia đình có một cuộc sống hạnh phúc. Chỉ có mẫu thuẫn như thế mà vợ anh đòi ly hôn. Thời gian nay vợ chồng đã sống ly thÂ, đã nhiều lần anh mong muốn vợ chồng hàn gắn cuộc sống hôn nhÂ, sẽ thay đổi bản thÂ để cùng vợ nuôi dạy các con. Bản thÂ anh không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng tại phiên tòa, vợ anh đã kiên quyết ly hôn nên anh chấp nhận ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Đúng như chị T trình bày về con chung. Tại phiên tòa chị T đã kiên quyết đòi nuôi các con, anh đồng ý giao những người con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ không có trách nhiệm đối với con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Nguyễn Lê Thiện Â, Nguyễn Lê PL trình bày:*

Vợ chồng chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thiện N có 02 con chung: Nguyễn Lê Thiện Â, sinh ngày 17/7/2009; Nguyễn Lê PL, sinh ngày 08/02/2011. Qua tiếp xúc với các cháu, Trợ giúp viên pháp lý thấy rằng, cháu Thiện Â và cháu PL đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lê Thị T, nếu Tòa án chấp nhận cho ba mẹ ly hôn; quá trình chung sống, chị T thường xuyên gần gũi, quan tâm, chăm sóc các

cháu nhiều hơn và chị T hiện có công việc, thu nhập ổn định; bản thÂ các cháu phải chứng kiến việc anh N thường xuyên có hành vi bạo lực, chửi mắng chị T nên rất sợ anh Nguyễn Thiện N. Theo yêu cầu của nguyên đơn và theo nguyên vọng của con chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao những người con chung này cho nguyên đơn chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhÂ và gia đình và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhÂ dÂ tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhÂ và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, trợ giúp viên pháp lý đã giải thích cho chị T "người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con", chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì thêm.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhÂ dÂ huyện PL, thành phố Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuÂ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dÂ sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dÂ sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhÂ và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T; về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dÂ sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Thiện N nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; đồng thời anh N có nơi thường trú tại: Xã LT, huyện PL thành phố Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dÂ sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhÂ dÂ huyện PL, thành phố Huế.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhÂ: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thiện N tự nguyện kết hôn vào ngày 19 tháng 8 năm 2008 tại: Ủy ban nhÂ dÂ xã L Trì, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế. Hôn nhÂ của chị T và anh N là hôn nhÂ hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại xã L Trì, huyện PL, thành phố Huế cho đến nay. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do anh N không còn tin tưởng, nghi ngờ và hăm dọa giết chị; anh N cũng thừa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do có cãi nhau, anh nghi ngờ chị T có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị T, anh N phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chửi mắng xúc phạm lẫn nhau, cả hai đều xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không có khả N để cải thiện, mục đích hôn nhÂ không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhÂ này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên anh N đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhÂ và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, chị T được ly hôn anh Nguyễn Thiện N.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thiện N có 02 người con chung: Nguyễn Lê Thiện Â, sinh ngày 17/07/2009; Nguyễn Lê PL, sinh ngày 08/02/2011. Xét thấy theo nguyện vọng của những người con chung nêu trên là mong muốn được ở với mẹ là chị Lê Thị T nếu ba mẹ được Tòa án chấp nhận ly hôn và tại phiên tòa, các bên đương sự đã thống nhất với nhau là giao các cháu Nguyên Lê Thiện Â, Nguyễn Lê PL cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Để đảm bảo ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu nên cần chấp nhận giao các cháu Nguyễn Lê Thiện Â, Nguyễn Lê PL cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhÂ và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T biết "người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con". Tuy nhiên, chị T vẫn không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Lê Thiện Â, Nguyễn Lê PL là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dÂ sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí dÂ sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhÂ dÂ huyện PL, thành phố Huế có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dÂ sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhÂ và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

- Về quan hệ hôn nhÂ: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thiện N.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Lê Thiện Â, sinh ngày 17/07/2009; Nguyễn Lê PL, sinh ngày 08/02/2011 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị T không yêu cầu anh Nguyễn Thiện N phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thiện N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dÂ sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dÂ sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002002 ngày 27/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dÂ sự huyện PL, thành phố Huế; chị T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dÂ sự thì người được thi hành án dÂ sự, người phải thi hành án dÂ sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dÂ sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dÂ sự.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- UBND xã L Trì, huyện PL, thành phố Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn NhÂ Phái **Cái Diệu Trang** **Nguyễn Văn Mạnh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhàn Khánh Phú **Phan Văn Lợi** **Nguyễn Văn Mạnh**